

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số: 411 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 7 - 2020
V/v **Tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhân;**

Các hội thẩm nhân dân:

+ Ông: **Lê Văn Minh;**

+ Ông : **Nguyễn Văn Y;**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền
Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Duy Ngọc Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành
mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2020/TLST – HNGĐ
ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc: “tranh chấp ly hôn và nuôi con ”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐST-HN ngày 28
tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 1996; Nơi cư trú: ấp
6, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: anh **Lê Khánh H**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp N, xã LH,
huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, Tờ tự khai cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:**

Chị và anh Lê Khánh H sống chung với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hưng. Từ khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh H không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi dẫn đến vợ chồng không thể sống chung được nữa. Năm 2017, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh H cho tới nay. Gia đình hai bên đã động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không hòa thuận được. Chị thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Chị yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Lê Khánh H.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Huy H1 sinh ngày 15/01/2016. Từ khi ly thân, con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng cuộc sống ổn định, đảm bảo về mặt vật chất và tinh thần. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Chị N cho rằng hiện nay chị có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên chưa yêu cầu anh Lê Khánh H cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Khánh H đã được Tòa án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Lê Khánh H không có tự khai trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc N: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lê Khánh H ly hôn; Về nuôi con chung để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Lê Huy H1, đề nghị giao con chung cho chị Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, HĐXX, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Bị

đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ có mặt khi Tòa án triệu tập. Đến thời điểm trước khi nghị án, Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu ly hôn với anh Lê Khánh H và yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con .

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn Lê Khánh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Khánh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Lê Khánh H sống chung có đăng ký kết hôn theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét lời khai chị Nguyễn Thị Ngọc N về nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung. Tòa án đã thông báo cho anh Lê Khánh H được biết nhưng anh H không có ý kiến phản đối. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét quá trình sống chung anh chị sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Chị N cho rằng tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên không thể sống chung được nữa. Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của Chị N và anh H cũng thể hiện anh chị đã không còn sống chung. Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng anh H không tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh H cũng không có thiện chí hàn gắn, thể hiện tình cảm giữa Chị N và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc N.

[4] Về nuôi con chung: Cháu Lê Huy H1 chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Chị Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, Chị N có đủ điều kiện về sức khỏe và các điều kiện cần thiết để nuôi con; Từ khi chị và anh H không còn sống chung, cháu

Hoàng do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng đảm bảo, cuộc sống đã ổn định nên cần giao con cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của trẻ em. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] **Về cấp dưỡng:** chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày hiện tại chị đủ điều kiện để nuôi con chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. HĐXX ghi nhận và không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] **Về tài sản chung:** Các đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[7] **Về nợ chung:** Các bên đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

[8] **Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát** là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên. HĐXX chấp nhận.

[9] **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 5, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc N.

- **Về hôn nhân:** Cho chị Nguyễn Thị Ngọc N ly hôn với anh Lê Khánh H.

- **Về nuôi con chung:** Giao cháu Lê Huy H1 sinh ngày 15/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Khánh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** không có xem xét.

- **Tài sản chung:** không có xem xét.

- **Về nợ chung:** không có xem xét.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị

Nguyễn Thị Ngọc N đã nộp theo biên lai thu số 01885 ngày 17/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TG
- VKSND.huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS. huyện châu Thành;
- UBND xã nơi Đăng ký kết hôn;
- Các Đ/S
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thanh Nhàn